

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-9-2025
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Ngọc G, sinh năm 1992; căn cước công dân: 096192006780, cấp ngày 29/11/2022 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp D, xã T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1992; Chứng minh nhân dân: 381936961, cấp ngày 25/7/2016 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau. Nay là ấp E, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-4-2025, nguyên đơn bà Lâm Ngọc G trình bày:

Bà và ông Trần Văn S được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện U, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 18/02/2019. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống cả hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau không có tiếng nói chung, bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn S.

- Về con chung: Có 02 người tên Trần Ngọc S1, sinh ngày 20/01/2015 và Trần Thúy N, sinh ngày 11/12/2019. Hiện nay các con đang sống với ông S. Sau khi ly hôn, nếu các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Văn S đúng theo quy định pháp luật nhưng ông S không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 20-8-2025 bà Lâm Ngọc Giàu C đơn xin xét xử vắng mặt đúng theo quy định pháp luật; bị đơn ông Trần Văn S đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên toà sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Ngọc G và ông Trần Văn S tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau (Nay là xã UBND xã N, tỉnh Cà Mau) theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, ngày 18/02/2019 nên quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông S là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà G yêu cầu được ly hôn với ông S do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Toà án đã thông báo cho ông S biết về nội dung yêu cầu của bà G nhưng ông S không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà G. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà G và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà G về việc xin ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: Đối với người 02 người tên Trần Ngọc S1, sinh ngày 20/01/2015 và Trần Thúy N, sinh ngày 11/12/2019, hiện đang sống với ông S. Sau khi ly hôn các con có nguyện vọng ở với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Trần Văn S không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà G. Tại biên bản ghi nhận nguyện vọng con chung cháu Trần Ngọc S1 trình bày hiện nay cháu đang sống với ông S nên khi cha mẹ ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với ông S. Do đó để đảm bảo điều kiện sống bình thường và ổn định của người con chung khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử cần giao 02 người con chung cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng nên yêu cầu của bà G là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận. Bà Lâm Ngọc G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Ngọc G xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lâm Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Ngọc G xin ly hôn với ông Trần Văn S. Bà G được ly hôn với ông S.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Trần Ngọc S1, sinh ngày 20/01/2015 và Trần Thúy N, sinh ngày 11/12/2019 cho ông Trần Văn S tiếp tục trông nom, chăm sóc giáo dục. Bà Lâm Ngọc G không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Lâm Ngọc G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 25-4-2025 bà G đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007092 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau) chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 2 – Cà Mau;
- Phòng thi án dân sự Khu vực 2 – Cà Mau;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lua

